

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: - State Securities Commission of Vietnam
- Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh /Dat Xanh Real Estate Services Joint Stock Company
 - Mã chứng khoán/ Stock code: DXS
 - Địa chỉ/Address: Số 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh/No. 2W Ung Van Khiem Street, Ward 25, Binh Thanh District, HCM City
 - Điện thoại liên hệ/Tel.: (028) 6252 5252 Fax: (028) 6285 3896
 - E-mail: ir.dxs@datxanhservices.vn
- Nội dung công bố thông tin/Contents of disclosure:
 - Báo cáo tài chính riêng quý II năm 2023.
Interim separate financial statement, Second Quarter of 2023.
 - Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2023.
Interim consolidated financial statement, Second Quarter of 2023
 - Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính quý II năm 2023.
Explanation for Profit after tax movement in Financial Statements of Second Quarter of 2023
 - Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng năm 2023
Report on Company corporate governance for 6 months of 2023
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/07/2023 tại đường dẫn: <https://ir.datxanhservices.vn/>
This information was published on the company's website on ...July 28th..., 2023, as in the link: <https://ir.datxanhservices.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law. ✓

Nơi nhận/ Recipients:

- SSC, HOSE;
- Lưu Archived: VT, TC.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH
DAT XANH REAL ESTATE SERVICES JOINT STOCK COMPANY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



PHẠM THỊ NGUYỄN THANH

**DATXANH SERVICES**Số: 58/2023/CV-DXS

V/v: Giải trình chênh lệch LNST BCTC quý II năm 2023

Re: *Explanation of the variance in profit after tax of the financial statements for the Quarter 2/2023***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom – Happiness**Tp. Hồ Chí Minh, 28 tháng 07 năm 2023Ho Chi Minh City, July 28, 2023**Kính gửi/To:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ State Securities Committee of Viet Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Căn cứ quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
Pursuant to the provisions of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, on information disclosure on the stock market.
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.
Pursuant to the separate financial statements and the consolidated financial statements of the Quarter 2/2023 of Dat Xanh Real Estate Services Joint Stock Company

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS) xin được giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý II năm 2023 so với cùng kỳ năm ngoái như sau:

Dat Xanh Real Estate Services Joint Stock Company (DXS) would like to explain the variance of profit after tax on the separate and consolidated financial statements for the quarter 2/2023 compared to the same period of last year as follows:

Đơn vị tính/Unit: VND

Nội dung Items	Quý II/ Quarter 2		Chênh lệch Variance
	Năm/Year 2023	Năm/Year 2022	
1. Lợi nhuận sau thuế/Net profit after tax (BCTC riêng/Separate financial statement)	(22,495,856,886) (22.495.856.886)	81,084,891,283 81.084.891.283	NA
2. Lợi nhuận sau thuế/Net profit after tax (BCTC hợp nhất/Consolidated financial statement)	(17,203,874,757) (17.203.874.757)	256,044,717,850 256.044.717.850	NA
2.1. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông Công ty mẹ Net profit after tax attributable to shareholders of the parent	(18,954,563,456) (18.954.563.456)	174,741,620,002 174.741.620.002	NA



✓

Nội dung Items	Quý II/ Quarter 2		Chênh lệch Variance
	Năm/Year 2023	Năm/Year 2022	
2.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	1,750,688,699	81,303,097,848	NA
Net profit after tax attributable to non-controlling interests	1.750.688.699	81.303.097.848	

Nguyên nhân/Reasons:

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất chuyển từ lãi ở Quý II/2022 sang lỗ ở Quý II/2023. Nguyên nhân do tình hình khó khăn chung của thị trường ảnh hưởng đến lĩnh vực bất động sản dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sụt giảm mạnh.

In the separate and consolidated financial statements, profit after tax decreased from a profit in the second quarter of 2022 to a loss in the same quarter of 2023. The reason was a general difficult market situation affecting the real estate sector, which leading to a significant decline in sales revenue.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the above information is true, and are fully responsible for this published information.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên
As above
- Lưu VT, TC.
Save: Admin Dept, Finance Dept

**CTCP DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH
DAT XANH REAL ESTATE SERVICES JSC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR**



PHẠM THỊ NGUYỄN THANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Quý 02 năm 2023



Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 36

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3602545493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch	
Ông Trần Quốc Thịnh	Phó Chủ tịch	
Ông Dương Văn Bắc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 23 tháng 05 năm 2023
Ông Phạm Anh Khôi	Thành viên	
Ông Trần Thanh Tân	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thanh Tân	Chủ tịch	
Ông Dương Văn Bắc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 23 tháng 05 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Nguyên Thanh	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là bà Phạm Thị Nguyên Thanh.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ và năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ và năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 13* của báo cáo tài chính riêng và Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 được lập cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Phạm Thị Nguyên Thanh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

(Các Thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của các Báo cáo Tài chính này)

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 31/12/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.780.076.231.115	6.069.494.510.977
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.269.968.454	186.102.530.203
▪ Tiền	111		17.100.968.454	38.102.530.203
▪ Các khoản tương đương tiền	112		12.169.000.000	148.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.708.448.575.910	5.840.919.092.581
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	757.749.997.362	762.474.377.926
▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	249.977.163.479	247.323.099.258
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	68.657.481.597	100.000.000.000
▪ Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.641.916.480.761	4.740.974.162.686
▪ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.852.547.289)	(9.852.547.289)
IV. Hàng tồn kho	140		1.933.711.625	1.934.485.168
▪ Hàng tồn kho	141		1.933.711.625	1.934.485.168
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.423.975.126	40.538.403.025
▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	38.320.704.459	37.694.774.912
▪ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.103.270.667	2.843.628.113
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.104.958.463.105	3.064.837.569.763
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		44.080.000.000	36.000.000
▪ Phải thu dài hạn khác	216	8	44.080.000.000	36.000.000
II. Tài sản cố định	220		10.331.961.191	14.366.862.504
▪ Tài sản cố định hữu hình	221	11	801.183.571	1.006.707.171
- Nguyên giá	222		1.871.998.034	1.871.998.034
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.070.814.463)	(865.290.863)
▪ Tài sản cố định vô hình	227	12	9.530.777.620	13.360.155.333
- Nguyên giá	228		24.080.973.475	24.080.973.475
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.550.195.855)	(10.720.818.142)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	3.049.936.134.683	3.049.936.134.683
▪ Đầu tư vào công ty con	251		2.960.029.241.483	2.960.029.241.483
▪ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		171.375.142.277	171.375.142.277
▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(81.468.249.077)	(81.468.249.077)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		610.367.231	498.572.576
▪ Chi phí trả trước dài hạn	261	10	314.846.595	390.989.840
▪ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		295.520.636	107.582.736
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.885.034.694.220	9.134.332.080.740

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

(Các Thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của các Báo cáo Tài chính này)

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>TM</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.008.069.820.890	3.218.927.838.587
I. Nợ ngắn hạn	310		3.008.069.820.890	3.218.927.838.587
▪ Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	14	13.155.970.927	16.529.997.884
▪ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		860.220.805	1.119.326.776
▪ Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15	8.718.305.576	9.061.172.671
▪ Phải trả người lao động	314		3.980.623.089	3.501.046.552
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	31.000.266.248	25.197.420.783
▪ Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.889.396.211.879	3.084.047.668.428
▪ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	-	27.500.000.000
▪ Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		60.958.222.367	51.971.205.494
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.876.964.873.330	5.915.404.242.153
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	5.876.964.873.330	5.915.404.242.153
▪ Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.531.223.770.000	4.531.223.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.531.223.770.000	4.531.223.770.000
▪ Thặng dư vốn cổ phần	412		804.503.548.710	804.503.548.710
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		541.237.554.620	579.676.923.443
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		569.341.051.415	128.490.337.934
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(28.103.496.795)	451.186.585.509
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.885.034.694.220	9.134.332.080.740



Nguyễn Thị Huyền Trân
Người lập



Nguyễn Huỳnh Quang Tuấn
Kế toán trưởng





Phạm Thị Nguyên Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

(Các Thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của các Báo cáo Tài chính này)

Chi tiêu	Mã số	TM	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 02	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
▪ Doanh thu	01	20.1	4.958.845.283	93.833.338.256	30.314.435.645	206.683.267.081
▪ Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
▪ Doanh thu thuần	10		4.958.845.283	93.833.338.256	30.314.435.645	206.683.267.081
▪ Giá vốn	11	21	24.839.111.804	58.168.637.845	50.281.769.799	109.177.137.586
▪ Lợi nhuận gộp	20		(19.880.266.521)	35.664.700.411	(19.967.334.154)	97.506.129.495
▪ Doanh thu hoạt động tài chính	21	20.2	4.276.452.331	71.264.197.568	7.741.867.614	77.236.756.013
▪ Chi phí tài chính	22	22	-	579.657.533	197.465.753	1.152.945.204
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	579.657.533	197.465.753	1.152.945.204
▪ Chi phí bán hàng	25	23	3.959.695.185	11.211.253.080	8.649.924.279	21.683.718.621
▪ Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.147.088.385	6.582.626.659	6.552.290.050	12.143.218.426
▪ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.710.597.760)	88.555.360.707	(27.625.146.622)	139.763.003.257
▪ Thu nhập khác	31	24	26.829.108	203.495.179	108.921.199	445.497.159
▪ Chi phí khác	32	24	13.744.052	163.870.437	34.851.826	232.103.929
▪ Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		13.085.056	39.624.742	74.069.373	213.393.230
▪ Lợi nhuận thuần trước thuế	50		(22.697.512.704)	88.594.985.449	(27.551.077.249)	139.976.396.487
▪ Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	(13.717.918)	7.410.094.166	740.357.446	17.686.376.373
▪ (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(187.937.900)	100.000.000	(187.937.900)	100.000.000
▪ Lợi nhuận thuần sau thuế	60		(22.495.856.886)	81.084.891.283	(28.103.496.795)	122.190.020.114



[Signature]
Nguyễn Thị Huyền Trân
 Người lập

[Signature]
Nguyễn Huỳnh Quang Tuấn
 Kế toán trưởng

[Signature]
Phạm Thị Nguyên Thanh
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

(Các Thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của các Báo cáo Tài chính này)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 02	
			Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
▪ Lợi nhuận trước thuế	01		(27.551.077.249)	139.976.396.487
Điều chỉnh cho các khoản:				
▪ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11,12	4.034.901.313	4.018.960.105
▪ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	20.2	(7.741.867.614)	(77.236.756.013)
▪ Chi phí lãi vay	06	22	197.465.753	1.152.945.204
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(31.060.577.797)	67.911.545.783
▪ (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		62.016.537.688	(513.203.551.457)
▪ (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		773.543	38.684.063
▪ (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(189.440.339.366)	370.075.932.455
▪ (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(549.786.302)	(8.574.177.551)
▪ Thuế TNDN đã nộp	15		-	(163.577)
▪ Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.348.855.155)	(2.244.644.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(160.382.247.389)	(85.996.374.312)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
▪ Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(100.000.000.000)
▪ Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(39.478.400.000)
▪ Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	15.000.000.000
▪ Tiền thu cổ tức, lãi cho vay, lãi tiền gửi	27		3.549.685.640	56.588.217.174
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.549.685.640	(67.890.182.826)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

(tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị: VND

(Các Thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của các Báo cáo Tài chính này)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 02	
			Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(156.832.561.749)	(153.886.557.138)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	186.102.530.203	949.651.685.459
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	29.269.968.454	795.765.128.321

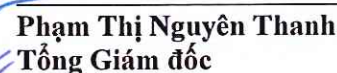


Nguyễn Thị Huyền Trân
Người lập

Ngày 28 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Huỳnh Quang Tuân
Kế toán trưởng

Phạm Thị Nguyên Thanh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3602545493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2011 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 348/QĐ-SGDHCM ngày 25 tháng 06 năm 2021.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản (“BDS”) và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 99 (31 tháng 12 năm 2022: 158).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 13* và Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 được lập cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Đồng Cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận theo hợp đồng khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu dịch vụ môi giới bất động sản và dịch vụ khác

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ môi giới bất động sản. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Tiền mặt	254.134.536	317.246.507
Tiền gửi ngân hàng	16.846.833.918	37.785.283.696
Các khoản tương đương tiền (*)	12.169.000.000	148.000.000.000
TỔNG CỘNG	29.269.968.454	186.102.530.203

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc từ một (1) đến ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,5 – 6,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Phải thu từ các bên khác	1.345.179.474	1.345.179.474
- Công ty TNHH DCT Partners Việt Nam	170.758.983	170.758.983
- Các khách hàng khác	1.174.420.491	1.174.420.491
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 26)	756.404.817.888	761.129.198.452
TỔNG CỘNG	<u>757.749.997.362</u>	<u>762.474.377.926</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(211.750.000)	(211.750.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>757.538.247.362</u>	<u>762.262.627.926</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Trả trước cho nhà cung cấp	211.092.716.185	211.049.361.340
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu Tư Và Thương Mại Thăng Long	158.128.975.466	158.128.975.466
- Các nhà cung cấp khác	52.963.740.719	52.920.385.874
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh 26)	38.884.447.294	36.273.737.918
TỔNG CỘNG	<u>249.977.163.479</u>	<u>247.323.099.258</u>
Dự phòng trả trước cho người bán	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>249.977.163.479</u>	<u>247.323.099.258</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

<i>Bên vay</i>	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An</i>		
Khoản cho vay 1	68.657.481.597	100.000.000.000
	<u>68.657.481.597</u>	<u>100.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược cho các hợp đồng tiếp thị và phân phối dự án bất động sản	2.204.261.175.222	2.172.832.257.533
Ký quỹ, ký cược khác	365.795.774	329.795.774
Tạm hoàn ứng cho chủ đầu tư	2.319.570.159.567	2.446.640.760.655
Vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")	44.165.472.100	52.379.472.100
Cổ tức	41.807.908.515	40.198.492.515
Tạm ứng nhân viên	2.276.062.679	2.191.243.179
Lãi cho vay	4.681.930.739	2.099.164.765
Phải thu tiền sử dụng đất nhà ở xã hội dự án Khu dân cư Gold Hill	15.000.000.000	15.000.000.000
Khác	9.787.976.165	9.302.976.165
	<u>4.641.916.480.761</u>	<u>4.740.974.162.686</u>
Trong đó:		
Phải thu bên khác	22.806.663.057	22.200.843.557
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh 26</i>)	4.619.109.817.704	4.718.773.319.129
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	-	36.000.000
Ký quỹ, ký cược cho các hợp đồng tiếp thị và phân phối dự án bất động sản	44.080.000.000	-
	<u>44.080.000.000</u>	<u>36.000.000</u>
Trong đó:		
Phải thu bên khác	-	36.000.000
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh 26</i>)	44.080.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>4.685.996.480.761</u>	<u>4.741.010.162.686</u>
Dự phòng các khoản phải thu khác	(9.640.797.289)	(9.640.797.289)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>4.676.355.683.472</u>	<u>4.731.369.365.397</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Dự phòng phải thu của khách hàng	211.750.000	211.750.000
Dự phòng các khoản phải thu khác	9.640.797.289	9.640.797.289
Dự phòng trả trước cho người bán	-	-
TỔNG CỘNG	9.852.547.289	9.852.547.289

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Số đầu kỳ	9.852.547.289	2.067.758.333
<i>Cộng</i> : Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
<i>Trừ</i> : Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	9.852.547.289	2.067.758.333

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Ngắn hạn		
Chi phí hoa hồng môi giới, quảng cáo	38.133.594.809	37.434.130.666
Công cụ, dụng cụ	3.189.351	9.730.554
Khác	183.920.299	250.913.692
TỔNG CỘNG	38.320.704.459	37.694.774.912
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	101.293.217	179.978.503
Khác	213.553.378	211.011.337
TỔNG CỘNG	314.846.595	390.989.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	749.120.000	1.122.878.034	1.871.998.034
Số dư cuối kỳ	<u>749.120.000</u>	<u>1.122.878.034</u>	<u>1.871.998.034</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	221.954.545	221.954.545
Khấu hao			
Số dư đầu kỳ	(260.111.100)	(605.179.763)	(865.290.863)
Khấu hao trong kỳ	(62.426.664)	(143.096.936)	(205.523.600)
Số dư cuối kỳ	<u>(322.537.764)</u>	<u>(748.276.699)</u>	<u>(1.070.814.463)</u>
Giá trị còn lại			
Đầu kỳ	489.008.900	517.698.271	1.006.707.171
Cuối kỳ	<u>426.582.236</u>	<u>374.601.335</u>	<u>801.183.571</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	24.080.973.475	24.080.973.475
Số dư cuối kỳ	<u>24.080.973.475</u>	<u>24.080.973.475</u>
<i>Đã khấu hao hết</i>	153.367.200	153.367.200
Khấu hao		
Số dư đầu kỳ	(10.720.818.142)	(10.720.818.142)
Khấu hao trong kỳ	(3.829.377.713)	(3.829.377.713)
Số dư cuối kỳ	<u>(14.550.195.855)</u>	<u>(14.550.195.855)</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	13.360.155.333	13.360.155.333
Số dư cuối kỳ	<u>9.530.777.620</u>	<u>9.530.777.620</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết đầu tư vào công ty con, công ty liên kết như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Regal Group Tên cũ: Công ty Cổ phần Đất Xanh Miền Trung ("Regal Group")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	55,00	994.629.900.000	55,00	994.629.900.000
Công ty Cổ phần Bất động sản LinkGroup ("LinkGroup")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	80,47	624.783.399.435	80,47	624.783.399.435
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc ("Đất Xanh Miền Bắc")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	63,50	890.867.541.498	63,50	890.867.541.498
Công ty Cổ phần Phát Triển Địa Ốc Nam Trung Bộ ("Nam Trung Bộ")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	71,00	118.753.970.550	71,00	118.753.970.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Đất Xanh Miền Tây ("Đất Xanh Miền Tây")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	61,00	137.055.920.000	61,00	137.055.920.000
Công ty Cổ phần Bất động sản GPT Tên cũ: Công ty Cổ phần Đất Xanh Premium ("GPT")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	59,00	26.885.120.000	59,00	26.885.120.000
Công ty Cổ phần DXMD Việt Nam ("DXMD Việt Nam")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	61,00	22.846.400.000	61,00	22.846.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Bất động sản Việt Nam ("Công Nghệ BĐS")	Phát triển công nghệ	Đang hoạt động	50,99	14.328.270.000	50,99	14.328.270.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính Bất động sản Tulip ("Tulip")	Dịch vụ tài chính bất động sản	Đang hoạt động	60,00	15.904.720.000	60,00	15.904.720.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ Ihouzz ("Ihouzz")	Phát triển công nghệ	Đang hoạt động	53,00	106.000.000.000	53,00	106.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiptek ("Tiptek")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	64,90	3.894.000.000	64,90	3.894.000.000
Công Ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Bất động sản Tây Nam ("Bất động sản Tây Nam")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	51,00	4.080.000.000	51,00	4.080.000.000
TỔNG CỘNG				<u>2.960.029.241.483</u>		<u>2.960.029.241.483</u>

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam ("Đất Xanh Miền Nam")	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	49,07	171.375.142.277	49,07	171.375.142.277
TỔNG CỘNG				<u>171.375.142.277</u>		<u>171.375.142.277</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Đầu tư vào công ty con	2.960.029.241.483	2.960.029.241.483
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	171.375.142.277	171.375.142.277
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(81.468.249.077)	(81.468.249.077)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.049.936.134.683</u>	<u>3.049.936.134.683</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Phải trả các bên khác	9.837.756.536	10.564.148.015
- Công ty Cổ phần Địa ốc Kim Phát	1.881.058.694	1.881.058.694
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Moongroup	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Truyền Thông Vàng Châu Á	2.430.153.600	2.430.153.600
- Khác	4.326.544.242	5.052.935.721
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 26)	3.318.214.391	5.965.849.869
TỔNG CỘNG	<u>13.155.970.927</u>	<u>16.529.997.884</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022	<i>Số phải nộp</i> <i>trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp</i> <i>trong kỳ</i>	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023
Thuế GTGT	7.965.544.601	2.522.097.333	(2.352.703.600)	8.134.938.334
Thuế TNDN	311.916.456	740.357.446	(740.357.446)	311.916.456
Thuế TNCN	741.975.134	699.636.125	(1.211.896.953)	229.714.305
Khác	41.736.480	4.302.474	(4.302.474)	41.736.480
TỔNG	<u>9.061.172.671</u>	<u>3.966.393.378</u>	<u>(4.309.260.473)</u>	<u>8.718.305.576</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Chi phí hoa hồng môi giới	23.290.475.099	24.530.341.632
Chi phí lãi vay	7.500.936.293	-
Khác	208.854.856	667.079.151
TỔNG CỘNG	<u>31.000.266.248</u>	<u>25.197.420.783</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Thu hộ tiền cho chủ đầu tư dự án	2.811.724.454.446	3.000.788.359.724
Nhận ký quỹ dịch vụ môi giới	59.426.000.564	60.136.000.564
Phải trả hợp tác kinh doanh	15.586.000.000	20.000.000.000
Khác	2.659.756.869	3.123.308.140
TỔNG CỘNG	<u>2.889.396.211.879</u>	<u>3.084.047.668.428</u>
Trong đó:		
Phải trả bên khác	2.827.194.284.593	3.017.231.741.142
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh 26</i>)	62.201.927.286	66.815.927.286

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Tại ngày</i> 30/06/2023	<i>Tại ngày</i> 31/12/2022
Vay bên liên quan (<i>Thuyết minh 26</i>)	-	27.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>27.500.000.000</u>
<i>Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:</i>		
	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Số đầu kỳ	27.500.000.000	27.500.000.000
Vay trong kỳ	-	-
Trả nợ gốc vay	27.500.000.000	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>27.500.000.000</u>

Các khoản vay ngắn hạn trên nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023				
Số dư đầu kỳ	4.531.223.770.000	804.503.548.710	579.676.923.443	5.915.404.242.153
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	(28.103.496.795)	(28.103.496.795)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.335.872.028)	(10.335.872.028)
Số dư cuối kỳ	4.531.223.770.000	804.503.548.710	541.237.554.620	5.876.964.873.330
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022				
Số dư đầu kỳ	3.582.012.080.000	1.105.361.088.710	792.983.353.879	5.480.356.522.589
Tăng vốn	300.882.540.000	(300.882.540.000)	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	236.406.510.000	-	(236.406.510.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	122.190.020.114	122.190.020.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(16.163.865.945)	(16.163.865.945)
Số dư cuối kỳ	4.119.301.130.000	804.478.548.710	662.602.998.048	5.586.382.676.758

19.2 Cổ phiếu phổ thông

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>30/06/2023</i>	<i>31/12/2022</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	453.122.377	453.122.377
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	453.122.377	453.122.377
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	453.122.377	453.122.377

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Quý 02 năm 2023</i>	<i>Quý 02 năm 2022</i>	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Tổng doanh thu	4.958.845.283	93.833.338.256	30.314.435.645	206.683.267.081
Trong đó:				
Doanh thu dịch vụ bất động sản	4.958.845.283	93.705.838.256	30.314.435.645	205.528.680.721
Doanh thu từ bán đất nền	-	-	-	892.086.360
Doanh thu cho thuê	-	127.500.000	-	262.500.000
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
DOANH THU THUẦN	4.958.845.283	93.833.338.256	30.314.435.645	206.683.267.081

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Quý 02 năm 2023</i>	<i>Quý 02 năm 2022</i>	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.667.036.331	5.233.204.510	6.132.451.614	11.205.762.955
Cổ tức	1.609.416.000	51.544.514.620	1.609.416.000	51.544.514.620
Lãi chuyển nhượng vốn	-	14.486.478.438	-	14.486.478.438
TỔNG CỘNG	4.276.452.331	71.264.197.568	7.741.867.614	77.236.756.013

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Quý 02 năm 2023</i>	<i>Quý 02 năm 2022</i>	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Giá vốn dịch vụ bất động sản	24.839.111.804	58.168.637.845	50.281.769.799	108.635.201.865
Giá vốn bán đất nền	-	-	-	541.935.721
TỔNG CỘNG	24.839.111.804	58.168.637.845	50.281.769.799	109.177.137.586

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Quý 02 năm 2023</i>	<i>Quý 02 năm 2022</i>	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Chi phí lãi vay	-	579.657.533	197.465.753	1.152.945.204
TỔNG CỘNG	-	579.657.533	197.465.753	1.152.945.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Quý 02 năm 2023</i>	<i>Quý 02 năm 2022</i>	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Chi phí bán hàng	3.959.695.185	11.211.253.080	8.649.924.279	21.683.718.621
Chi phí lương	1.551.301.855	6.227.819.178	3.702.336.704	11.709.549.573
Chi phí quảng cáo	-	1.576.707.719	-	3.033.922.502
Chi phí khấu hao	1.884.799.231	1.851.902.187	3.769.598.464	3.703.804.374
Chi phí thuê văn phòng	512.278.380	1.283.035.140	1.153.795.950	2.656.327.090
Chi phí khác	11.315.719	271.788.856	24.193.161	580.115.082
Chi phí QLDN	3.147.088.385	6.582.626.659	6.552.290.050	12.143.218.426
Chi phí lương	2.011.887.568	3.858.523.309	4.363.899.695	7.422.294.761
Chi phí khấu hao	130.124.908	154.752.103	265.302.849	315.155.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.755.793	1.940.054.723	1.410.935.767	3.134.222.348
Chi phí khác	302.320.116	629.296.524	512.151.739	1.271.545.586
TỔNG CỘNG	7.106.783.570	17.793.879.739	15.202.214.329	33.826.937.047

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Quý 02 năm 2023</i>	<i>Quý 02 năm 2022</i>	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Thu nhập khác	26.829.108	203.495.179	108.921.199	445.497.159
Thu nhập từ phạt và thanh lý hợp đồng	26.829.108	203.490.510	108.921.199	443.490.510
Khác	-	4.669	-	2.006.649
Chi phí khác	13.744.052	163.870.437	34.851.826	232.103.929
Chi phí chậm nộp thuế	3.809.079	51.623.136	15.197.861	110.137.634
Chi phí từ phạt và thanh lý hợp đồng	9.934.973	112.247.301	19.653.964	121.966.292
Khác	-	-	1	3
LỢI NHUẬN KHÁC	13.085.056	39.624.742	74.069.373	213.393.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Quý 02 năm 2023</i>	<i>Quý 02 năm 2022</i>	<i>Lũy kế 2023</i>	<i>Lũy kế 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(13.717.918)	7.410.094.166	740.357.446	17.686.376.373
Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(187.937.900)	100.000.000	(187.937.900)	100.000.000
TỔNG CỘNG	(201.655.818)	7.510.094.166	552.419.546	17.786.376.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát hoặc có phát sinh giao dịch, số dư cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (“DXG”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc (“Đất Xanh Miền Bắc”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Regal Group (“Regal Group”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam (“Đất Xanh Miền Nam”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Đất Xanh Miền Tây (“Đất Xanh Miền Tây”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản GPT (“GPT”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Linkgroup (“LinkGroup”)	Công ty con
Công ty Cổ phần DXMD Việt Nam (“DXMD Việt Nam”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Địa Ốc Nam Trung Bộ (“Nam Trung Bộ”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiptek (“Tiptek”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Viethomes (“Viethomes”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Bắc Trung Bộ (“BDS Bắc Trung Bộ”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Duyên Hải (“BDS Duyên Hải”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Bắc Bộ (“BDS Bắc Bộ”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Hùng Vương (“Hùng Vương”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Kinh Bắc (“Kinh Bắc”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Tài sản và Đầu tư Asahi Japan (“Asahi Japan”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản S-Homes Group (“S-Homes”)	Công ty con
Công ty TNHH Nhà Ở Ngay (“Nhà Ở Ngay”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đô thị Thông Minh Việt Nam (“Đô thị Thông Minh Việt Nam”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Nam Miền Trung (“Nam Miền Trung”)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Smart City (“Smart City”)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Smart Property (“Smart Property”)	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát hoặc có phát sinh giao dịch, số dư cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Emerald (“BDS Emerald”)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị Quảng Ngãi (“Đô thị Quảng Ngãi”)	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Đô thị Quảng Bình (“Đô thị Quảng Bình”)	Công ty con
Công ty TNHH Tư Vấn S-Media (“S-Media”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Asahi Luxstay (“Asahi Luxstay”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản DMH Group (“DMH Group”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Cần Thơ (“BDS Cần Thơ”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Nam Miền Tây (“BDS Nam Miền Tây”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Bắc Miền Tây (“BDS Bắc Miền Tây”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Duyên Hải Miền Tây (“Duyên Hải Miền Tây”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Cừu Long Homes (“Cừu Long Homes”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản VN Smarthomes (“VN Smarthomes”)	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư LinkLand (“Đầu tư Linkland”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản LinkHouse (“Linkhouse”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản LinkHouse Tây Nam (“Linkhouse Tây Nam”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản LinkHouse Miền Trung (“Linkhouse Miền Trung”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Dịch vụ Môi giới Ohio (“Ohio”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư LinkLand (“Dịch vụ Linkland”)	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngọc Lễ (“Ngọc Lễ”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Ecohome (“Ecohome”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ DN Premium (“DN Premium”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản City Invest (“City Invest”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Tây Nguyên (“Địa Ốc Tây Nguyên”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Propcom (“Propcom”)	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát hoặc có phát sinh giao dịch, số dư cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư S-Advices (“S-Advices”)	Công ty con
Công ty TNHH S-O Farm (“S-O Farm”)	Công ty con
Công ty TNHH Công Nghệ S-Tech (“S-Tech”)	Công ty con
Công ty TNHH Regal Food (“Regal Food”)	Công ty con
Công ty TNHH Nông nghiệp Lifarm (“Lifarm”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Bất động sản Việt Nam (“Công Nghệ BDS”)	Công ty con
Công ty cổ phần Công nghệ Ihouzz (“Ihouzz”)	Công ty con
Công Ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Bất động sản Tây Nam (“Bất động sản Tây Nam”)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Regal Hotels & Resorts (“Regal H&R”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Indochine (“BDS Indochine”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tài chính Bất động sản Tulip (“Tulip”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An (“Hà An”)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Vicco - Sài Gòn (“Vicco Saigon”)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Miền Bắc (“Đầu tư Bất động sản Miền Bắc”)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Charm & CI Việt Nam (“Charm&CI”)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Hà Thuận Hùng (“Hà Thuận Hùng”)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hội An Invest (“Hội An”)	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Thịnh	Phó Chủ tịch
Ông Dương Văn Bắc	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 23 tháng 05 năm 2023)
Ông Phạm Anh Khôi	Thành viên HĐQT
Ông Trần Thanh Tân	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Phạm Thị Nguyễn Thanh	Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2022</i>
DXG	Công ty mẹ	Phạt vi phạm hợp đồng	-	102.312.328
lhouzz	Công ty con	Chi phí lãi vay	197.465.753	1.152.945.204
		Phí dịch vụ môi giới	-	229.759.228
		Trả vốn góp hợp đồng HTKD	4.414.000.000	-
		Phí dịch vụ phần mềm	-	50.600.000
		Trả gốc vay	27.500.000.000	-
DXMD Việt Nam	Công ty con	Doanh thu dịch vụ môi giới	321.981.182	3.893.733.082
		Phí dịch vụ môi giới	595.581.883	2.020.538.099
		Góp vốn	-	3.477.000.000
		Cổ tức được chia	-	3.660.000.000
Regal Group	Công ty con	Doanh thu từ HĐHTKD	20.165.251.938	7.488.298.926
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Plus ("Bất Động Sản Plus")	Công ty con (đến ngày 30 tháng 09 năm 2022)	Phí dịch vụ môi giới	-	1.249.569.253
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nam Bộ Invest ("Nam Bộ Invest")	Công ty con (đến ngày 30 tháng 09 năm 2022)	Phí dịch vụ môi giới	-	1.185.729.154
Đất Xanh Miền Tây	Công ty con	Góp vốn	-	24.400.000.000
		Cổ tức được chia	-	35.672.514.620
		Doanh thu từ HĐHTKD	-	693.592.134
Nam Trung Bộ	Công ty con	Cổ tức được chia	-	12.212.000.000
		Góp vốn	-	11.601.400.000
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Phí dịch vụ môi giới	-	406.363.728

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2022</i>
Đất Xanh Miền Nam	Công ty liên kết	Doanh thu từ HĐHTKD	-	26.421.173.763
		Doanh thu dịch vụ môi giới	2.124.655.073	23.635.208
		Phí dịch vụ môi giới	384.068.462	8.618.328.809
		Ký quỹ môi giới	18.811.175.222	-
Tulip	Công ty con	Doanh thu cho thuê văn phòng	-	262.500.000
Linkhouse	Công ty con	Phí dịch vụ môi giới	-	141.054.129
		Hoàn ký quỹ môi giới	100.000.000	-
GPT	Công ty con	Phí dịch vụ môi giới	224.897.138	797.032.136
		Hoàn ký quỹ môi giới	100.000.000	-
Asahi Japan	Công ty con	Phí dịch vụ môi giới	-	64.993.500
		Phí dịch vụ quản lý	-	121.040.681
Propcom	Công ty con	Phí dịch vụ môi giới	-	73.141.855
Hà An	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu dịch vụ môi giới	3.663.520.533	165.921.872.912
		Phí tiền điện, nước	1.151.368	62.224.858
		Cho vay	-	100.000.000.000
		Lãi từ cho vay	2.582.765.974	668.493.150
		Thu hồi gốc vay	31.342.518.403	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Lũy kế năm 2023</i>	<i>Lũy kế năm 2022</i>
Vicco Saigon	Công ty trong cùng tập đoàn	Phí thuê văn phòng	1.924.535.790	3.849.105.420
Charm&CI	Công ty trong cùng tập đoàn	Ký quỹ môi giới	12.617.742.467	-
Hà Thuận Hùng	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu dịch vụ môi giới	2.934.246.122	-
		Ký quỹ môi giới	25.000.000.000	-
LinkGroup	Công ty con	Phí dịch vụ môi giới	75.860.218	1.408.715.087
		Cổ tức được chia	1.609.416.000	-
Hội An	Công ty trong cùng tập đoàn	Ký quỹ môi giới	19.080.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Hà An	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ môi giới	695.503.142.437	722.153.269.851
Regal Group	Công ty con	Doanh thu hợp tác kinh doanh	37.019.091.014	18.837.313.882
lhouzz	Công ty con	Doanh thu thanh lý tài sản	-	719.717.755
Công nghệ BDS	Công ty con	Doanh thu cho thuê văn phòng	423.500.000	423.500.000
Tulip	Công ty con	Doanh thu cho thuê văn phòng	382.250.000	382.250.000
DXMD Việt Nam	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ môi giới	750.240.959	809.061.660
Đất Xanh Miền Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ môi giới	1.294.837.439	-
Hà Thuận Hùng	Công ty trong cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ môi giới	20.760.477.571	17.532.806.836
DXG	Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ môi giới	271.278.468	271.278.468
TỔNG CỘNG			756.404.817.888	761.129.198.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
LinkGroup	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	7.930.826.697	7.914.272.937
GPT	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	2.785.271.871	2.800.750.688
Đất Xanh Miền Tây	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	231.361.784	231.361.784
Đất Xanh Miền Nam	Công ty liên kết	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	19.925.349.238	17.453.035.795
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	540.118.243	540.118.243
lhouzz	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	74.411.184	74.411.184
Propcom	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	115.827.669	115.827.669
DXMD Việt Nam	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	7.281.280.606	7.143.959.616
Asahi Japan	Công ty con	Tạm ứng phí dịch vụ môi giới	2	2
TỔNG CỘNG			38.884.447.294	36.273.737.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
----------------------	--------------------	---------------------------	----------------------------	----------------------------

Phải thu ngắn hạn khác

DXG	Công ty mẹ	Phải thu khác	2.480.489.982	2.480.489.982
Đất Xanh Miền Tây	Công ty con	Vốn góp HĐHTKD Cổ tức	7.000.000.000	7.000.000.000
Công nghệ BĐS	Công ty con	Lãi cho vay	9.988.304.094	9.988.304.094
Đất Xanh Miền Nam	Công ty liên kết	Phải thu cho vay Vốn góp HĐHTKD	469.027.778	469.027.778
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Ký quỹ dự án Cổ tức	6.000.000.000	6.000.000.000
Hà An	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải thu cho vay Vốn góp HĐHTKD Ký quỹ dự án Cổ tức	37.165.472.100	45.379.472.100
Charm&CI	Công ty trong cùng tập đoàn	Ký quỹ dự án	18.811.175.222	-
Regal Group	Công ty con	Cổ tức	16.252.870.000	16.252.870.000
Hà Thuận Hùng	Công ty trong cùng tập đoàn	Ký quỹ dự án	1.950.650.000.000	1.950.650.000.000
LinkGroup	Công ty con	Tạm ứng cho chủ đầu tư	2.253.984.159.567	2.446.640.760.655
		Lãi cho vay	4.212.902.961	1.630.136.987
		Ký quỹ dự án	235.000.000.000	222.382.257.533
		Cổ tức	9.900.000.000	9.900.000.000
		Tạm ứng cho chủ đầu tư	65.586.000.000	-
		Cổ tức	1.609.416.000	-

Phải thu dài hạn khác

Hà Thuận Hùng	Công ty trong cùng tập đoàn	Ký quỹ dự án	25.000.000.000	-
Hội An	Công ty trong cùng tập đoàn	Ký quỹ dự án	19.080.000.000	-

TỔNG CỘNG

4.663.189.817.704 4.718.773.319.129

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
----------------------	--------------------	---------------------------	----------------------------	----------------------------

Phải thu về cho vay

Hà An	Công ty trong cùng tập đoàn	Cho vay	68.657.481.597	100.000.000.000
TỔNG CỘNG			68.657.481.597	100.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Ihouzz	Công ty con	Lãi vay	-	4.364.770.405
Hà An	Công ty trong cùng tập đoàn	Tiền điện, nước	145.558	-
Vicco Saigon	Công ty trong cùng tập đoàn	Phí thuê văn phòng	3.318.068.833	1.601.079.464
TỔNG CỘNG			3.318.214.391	5.965.849.869

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Ihouzz	Công ty con	Nhận góp vốn HĐHTKD	15.586.000.000	20.000.000.000
Đất Xanh Miền Nam	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ	11.380.000.000	11.380.000.000
LinkGroup	Công ty con	Nhận ký quỹ	11.000.000.000	11.000.000.000
GPT	Công ty con	Nhận ký quỹ	6.900.000.000	7.000.000.000
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Nhận ký quỹ	3.500.000.000	3.500.000.000
DXMD Việt Nam	Công ty con	Nhận ký quỹ	3.000.000.000	3.000.000.000
Nam Trung Bộ	Công ty con	Nhận ký quỹ	1.000.000.000	1.000.000.000
Linkhouse	Công ty con	Nhận ký quỹ	300.000.000	400.000.000
Tiptek	Công ty con	Nhận ký quỹ	1.000.000.000	1.000.000.000
Hà An	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải trả dự án	8.535.927.286	8.535.927.286
TỔNG CỘNG			62.201.927.286	66.815.927.286

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Tại ngày 30/06/2023</i>	<i>Tại ngày 31/12/2022</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Ihouzz	Công ty con	Vay	-	27.500.000.000
			-	27.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 và kỳ kế toán kết thúc cùng ngày
Đơn vị: VND

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc:

Chức vụ	Cho kỳ kế toán	
	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (Trình bày lại)
Tổng Giám đốc	974.712.784	1.321.562.260
Các thành viên quản lý khác	3.237.512.190	4.761.487.637
	4.212.224.974	6.083.049.897

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	ND	
	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 31/12/2022
Đến 1 năm	1.411.338.654	4.516.239.024
Trên 1 - 5 năm	-	-
TỔNG CỘNG	1.411.338.654	4.516.239.024

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.






Nguyễn Thị Huyền Trân
Người lập

Nguyễn Huỳnh Quang Tuấn
Kế toán trưởng

Phạm Thị Nguyên Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2023